

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST

Ngày 03/12/2021

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Mông Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Xuân Giao, ông Phạm Quốc Trung

- Thư ký ghi phiên tòa: Bà Bùi Thái Bình- Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2021/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2021, về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXX-ST ngày 02 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: : anh Trịnh Tiến Q- sinh năm 1981

Địa chỉ: số nhà 02, ngõ 47, đường Đ, tổ 03, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

Bị đơn: chị Nguyễn Thị Kim D- sinh năm 1982

Địa chỉ: tổ 16, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Trịnh Tiến Q nộp đơn xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim D tại Tòa án nhân dân thành phố H. Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Trịnh Tiến Q, trình bày: anh Q và chị D đăng ký kết hôn ngày 08/9/2008, tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có thời gian tìm hiểu. sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh Q. Tình cảm nhữn năm đầu bình thường. Đến năm 2017, phát sinh mâu thuẫn , nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù được gia đình, bố mẹ khuyên giải nhiều lần nhưng không thay đổi. Chị D đã dọn ra ở riêng và vợ chồng ly thân từ tháng 8/2020 đến nay. Xác định thấy tình cảm vợ chồng không còn , anh Q đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung là :

- Trịnh Khánh T– sinh ngày 22/10/2009.

- Trịnh Chu A - sinh ngày 15/6/ 2018

Nguyện vọng của anh Q muốn được nuôi cháu Trịnh Khánh T

Về tài sản chung, công nợ chung : không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Kim D có lời khai xác nhận thời gian, địa điểm và hoàn cảnh kết hôn, về con chung và tài sản đúng như anh Q đã khai. Chị D trình bày: Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng rất yêu thương nhau, không có mâu thuẫn gì. Từ tháng 8/2020 chị D xin bố mẹ cho ra ở riêng vì hai vợ chồng đang có một số bất đồng quan điểm, anh Q có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị D muốn ra ở riêng để kéo anh Q trở lại với gia đình, hàn gắn và kết nối tình cảm vợ chồng. Chị D không muốn ly hôn vì xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa tới mức phải ly hôn, đề nghị Tòa án bác đơn xin ly hôn của anh Q để vợ chồng trở về đoàn tụ.

Cháu Trịnh Khánh T có bản tự khai ngày 02/11 /2021, có nguyện vọng muốn ở với mẹ.

Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình ông Trịnh Quốc T1 là bố đẻ của anh Q, đã cung cấp thông tin: Anh Q và chị D tự nguyện kết hôn, sau khi kết hôn, hai vợ chồng có thời gian về chung sống với gia đình chồng. Mâu thuẫn giữa anh Q và chị D là do không hiểu nhau, không nhường nhịn nhau, thiếu tôn trọng nhau. Nếu cứ tiếp tục sống như vậy sẽ là bất hạnh, không thể hạnh phúc. Chị D tự ý mua căn hộ và đưa các con ra ở riêng, không bàn bạc với chồng và bố mẹ chồng. Anh Q và gia đình ông T1 có hỗ trợ kinh tế một khoản nhỏ cho chị D. Ông T1 xác định gia đình ông không liên quan gì đến tài sản của chị D và anh Q. Gia đình ông T1 cũng không thấy anh Q đưa người phụ nữ nào về nhà.

Ông Trịnh Tuấn Đ tổ trưởng tổ dân phố số 03, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình cung cấp như sau: vì gia đình ông T1 sống rất kín tiếng nên ông Đ không biết gì về tình hình vợ chồng anh Q, chị D, không có điều tiếng gì, chỉ thấy chị D không còn ở đó nữa, anh Q hàng ngày vẫn về ở nhà bố mẹ.

Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án. Tại biên bản hòa giải ngày 18/10/2021 anh Q và chị D không thống nhất được quan điểm giải quyết vụ án. Anh Q yêu cầu giải quyết ly hôn, chị D không nhất trí ly hôn, mong muốn đoàn tụ; không thống nhất được việc nuôi con chung.

Tài sản, công nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: anh Q giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, đề nghị được nuôi con chung Trịnh Khánh T – sinh ngày 22/10/2009. Chị D có quan điểm đã cố gắng tìm cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng phía anh Q không có thiện chí, không đoái hoài gì đến vợ con, nên chị D xác định không còn cách nào khác, chấp nhận ly hôn. Về con chung hai bên thống nhất anh Q sẽ nuôi Trịnh Khánh T; chị Dung trực tiếp nuôi con Trịnh Chu A. Không bên nào phải đóng góp tiền nuôi con cho bên nào.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ năm 2014, điều 147 BLTTDS Nghị quyết 326 ngày 16/11/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, đề nghị:

- Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Q xin ly hôn với chị D.

- Về con chung: Giao con chung Trịnh Chu A - sinh ngày 15/6/ 2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

- Giao con chung Trịnh Khánh T- sinh ngày 22/10/2009 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên có quyền thăm nom chăm sóc con chung.

- Tiền phí tổn nuôi con không bên nào phải đóng góp cho bên nào.

Về án phí : Nguyên đơn anh Q phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Căn cứ vào các chứng cứ các tài liệu mà đương sự cung cấp; qua thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của các đương sự, của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Trịnh Tiến Q nộp đơn xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim D có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: tổ 16, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình ; là quan hệ pháp luật về hôn nhân và gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Anh Trịnh Tiến Q và chị Nguyễn Thị Kim D đăng ký kết hôn ngày 08/9/2008, tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có thời gian tìm hiểu. Quá trình chung sống hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8 năm 2020. Anh Q xác định thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị giải quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống cả hai bên thừa nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tháng 8/2020 chị D đã mua căn hộ ra ở riêng cũng vì mong muốn anh Q thay đổi cách sống, có trách nhiệm với gia đình. Nhưng cũng từ thời gian đó đến nay theo lời khai của hai bên đương sự và kết quả điều tra xác minh, anh Q không đến chung sống với chị D mà vẫn ở lại nhà bố mẹ đẻ. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa chị D xác định vẫn mong muốn đoàn tụ nhưng xét thực tế thực trạng hôn nhân không thể hàn gắn được nữa vì phía anh Q không có thiện chí, không còn quan tâm đến vợ con, khả năng đoàn tụ không còn, nên chị D chấp nhận ly hôn.

[3]. Về con chung: Về con chung: có 02 con chung là :

- Trịnh Khánh T- sinh ngày 22/10/2009.

- Trịnh Chu A - sinh ngày 15/6/ 2018

Cháu Trịnh Khánh T có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Tại phiên tòa, anh Q và chị D thống nhất: Giao cháu Trịnh Khánh T- sinh ngày 22/10/2009 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Trịnh Chu A - sinh ngày 15/6/ 2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải đóng góp phí tổn nuôi con cho bên nào. Hai bên có quyền thăm nom chăm sóc con chung.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: anh Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; điều 55, 58, Điều 81;82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Trịnh Tiến Q

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh Trịnh Tiến Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim D.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Khánh T- sinh ngày 22/10/2009 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Trịnh Chu A - sinh ngày 15/6/ 2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải đóng góp phí tổn nuôi con cho bên nào. Hai bên có quyền thăm nom chăm sóc con chung.

3. Về án phí: anh Trịnh Tiến Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) ,được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số:0004467 ngày 26/8/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND TP. H, tỉnh Hòa Bình;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Ủy ban nhân dân phường P;
- Chi cục THADS TP. H;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mông Thị Dung